

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 10-6-2022.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Thủy.

2. Ông Lê Phú Chánh Thê.

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phạm Thị Pho L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số nhà 147, ấp 7 (ấp Phú Thứ T), xã Thuận Đ, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: ông Lương Minh S, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số nhà 338, ấp 7 (ấp Long Đ), xã Phước L, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà L có mặt, ông S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, nguyên đơn là bà Phạm Thị Pho L trình bày:

Bà và bị đơn là ông Lương Minh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước L vào năm 2008. Hôn nhân của ông bà là do tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại ấp 7 (ấp Phú Thứ T), xã Thuận Đ, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông S thường xuyên đánh bà và hay bỏ nhà đi. Bà và ông S không chung sống với nhau cách nay 03 tháng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Bà và ông S có 02 người con chung là Lương Bảo T, sinh ngày 27/3/2009 và Lương Minh C, sinh ngày 30/7/2016, hiện đang sống chung với bà. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung, bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con.

Bà và ông S không có tài sản chung, nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông S đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa, bà L trình bày sau khi kết hôn bà và ông S chung sống hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn do ông S thường hay nhậu say, không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, hay đánh bà. Bà và gia đình chồng có khuyên nhưng ông không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng nhiều nên bà và ông S không chung sống với nhau từ cuối năm 2021 cho đến nay. Vì bà và ông S không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do bà và ông S không có tài sản chung, nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn bà Phạm Thị Pho L đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn ông Lương Minh S chưa tuân thủ và không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Pho L.

- Về hôn nhân: bà Phạm Thị Pho L được ly hôn với ông Lương Minh S.

- Về con chung: bà Phạm Thị Pho L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Lương Bảo T, sinh ngày 27/3/2009 và Lương Minh C, sinh ngày 30/7/2016, đến khi cháu T và cháu C đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà Phạm Thị Pho L không yêu cầu ông Lương Minh S cấp dưỡng cho con.

Vì lợi ích của con, bà Phạm Thị Pho L có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lương Minh S cấp dưỡng cho con.

Ông Lương Minh S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: bà Phạm Thị Pho L trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Pho L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Lương Minh S. Ông S cư trú tại xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ông Lương Minh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông S tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 3 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà L và biên bản xác minh ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thì bà L và ông S phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được. Bà L trình bày từ cuối năm 2021 bà và ông S không chung sống với nhau. Hiện bà không còn tình cảm với ông S nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L, ông S không có ý kiến phản đối, bỏ mặc cho bà L tự giải quyết.

Xét thấy, giữa bà L và ông S không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, ông bà đã không chung sống với nhau trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà L và ông S lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L để giải quyết cho bà L được ly hôn với ông S.

[3] Về con chung: bà L trình bày bà và ông S có 02 người con chung là Lương Bảo T, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2009 và Lương Minh C, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2016. Hiện 02 người con chung đang sống với bà L. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung. Đối với ông S thì không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không có ý kiến phản đối với lời trình bày của bà L.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, xét thấy bà L và ông S có 02 người con chung là Lương Bảo T, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2009 và Lương Minh C, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2016. Hiện các con chung do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Lương Bảo T đã trên 07 tuổi, Tòa án tiến hành lấy ý kiến của cháu, cháu trình bày cháu được mẹ chăm sóc rất tốt và có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Như vậy, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao cháu T và cháu C cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà L có quyền yêu cầu ông S thực hiện nghĩa vụ cấp

dưỡng cho cháu T và cháu C. Tuy nhiên do bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà L trình bày bà và ông S không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với ông S thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà L phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Pho L. Bà Phạm Thị Pho L được ly hôn với ông Lương Minh S.

2. Về con chung: giao cháu Lương Bảo T, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2009 và cháu Lương Minh C, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2016 cho bà Phạm Thị Pho L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc bà Phạm Thị Pho L không yêu cầu ông Lương Minh S cấp dưỡng cho con.

Ông Lương Minh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà Phạm Thị Pho L trình bày bà và ông Lương Minh S không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với ông Lương Minh S thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phạm Thị Pho L phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004783 ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Phước L, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền